

DỰ THẢO BÁO CÁO CHUYÊN ĐỀ
NHỮNG NỘI DUNG TRỌNG TÂM, CỐT LÕI CỦA NGHỊ QUYẾT SỐ 27-
NQ/TW, NGÀY 28/8/2026 CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VỀ PHÁT TRIỂN CÁC
VÙNG VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN QUỐC GIA
TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

tại Hội nghị toàn quốc nghiên cứu, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện một
số Nghị quyết, Chỉ thị của Bộ Chính trị (ngày 03/9/2026)

Người trình bày: Đồng chí Nguyễn Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí
thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Chính sách, chiến lược Trung ương

Kính thưa Đồng chí Tô Lâm, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng
Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Kính thưa các đồng chí Lãnh đạo, nguyên Lãnh đạo Đảng, Nhà nước Mặt
trận Tổ quốc Việt Nam !

Thưa các đồng chí !

Toàn văn Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị khóa XIV về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới đã gửi tới các đồng chí (*gọi tắt là Nghị quyết số 27 -NQ/TW*), theo sự phân công của Ban Tổ chức Hội nghị, sau đây Tôi xin báo cáo những nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 27 - NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị khóa XIV về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

Nội dung báo cáo chuyên đề gồm có 5 phần: (1) Sự cần thiết ban hành Nghị quyết; (2) Quan điểm chỉ đạo; (3) Mục tiêu và chỉ tiêu cụ thể; (4) Nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm; và (5) Tổ chức thực hiện

NỘI DUNG THỨ NHẤT: SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT SỐ 27- NQ/TW

Sau hơn 3 năm thực hiện nghị quyết của Bộ Chính trị khóa XIII về phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh 6 vùng kinh tế - xã hội, nhận thức về vai trò và tầm quan trọng của phát triển vùng được nâng cao; liên kết vùng được tăng cường; tiềm năng, lợi thế của địa phương và vùng từng bước phát huy hiệu quả. Tuy nhiên, phát triển các vùng chưa đạt mục tiêu đề ra; chưa khơi thông và phát huy hiệu quả các nguồn lực xã hội; quy hoạch còn chồng lấn, thiếu đồng bộ và thiếu liên kết; kết cấu hạ tầng vẫn là một điểm nghẽn; hành lang kinh tế, cụm liên kết ngành phát triển chậm; một số đô thị lớn, cực tăng trưởng chưa phát huy được vai trò hạt nhân, lan tỏa; liên kết vùng còn yếu và chưa hiệu quả.

Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ XIV của Đảng, và phát huy hơn nữa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, thúc đẩy liên kết và khai thác hiệu quả không gian phát triển mới của các địa phương và vùng sau sắp xếp đơn vị hành chính, thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, đảm bảo các địa phương, các vùng và cả nước được kết nối chặt chẽ, thông suốt; Bộ Chính trị khóa XIV đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 28/8/2026 về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

NỘI DUNG THỨ HAI: VỀ QUAN ĐIỂM CHỈ ĐẠO

Bộ Chính trị đã thống nhất đưa ra 03 quan điểm chỉ đạo, như sau:

(1) Quan điểm thứ nhất: Về vai trò của phát triển vùng

Phát triển vùng là phương thức tổ chức tăng trưởng quốc gia, tổ chức lại không gian phát triển, phân bổ nguồn lực và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh mới. Đổi mới mạnh mẽ mô hình phát triển, mô hình tăng trưởng; chuyển từ chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có sang kiến tạo, dẫn dắt, khơi thông và kích hoạt mọi nguồn lực; phát huy nội lực là cơ bản, chiến lược, lâu dài, quyết định, kết hợp hiệu quả với ngoại lực, bảo đảm phát triển nhanh, bền vững, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và có sức chống chịu cao.

(2) Quan điểm thứ hai: Về tổ chức lại không gian phát triển quốc gia, vùng

Tổ chức lại không gian phát triển quốc gia thống nhất trên cơ sở xác định rõ vai trò, vị trí, chức năng, lợi thế, bản sắc và sứ mệnh phát triển của từng vùng trong tổng thể phát triển đất nước. Phát huy liên kết, bổ trợ và lan tỏa giữa các vùng, vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, chuỗi đô thị và các trung tâm kinh tế; khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới trong giới hạn sinh thái, phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường, khắc phục tư duy cục bộ, phát triển dàn trải, trùng lặp.

(3) Quan điểm thứ ba: Về cơ chế liên kết và điều phối vùng

Xây dựng cơ chế liên kết, điều phối vùng thật sự mạnh, thực chất, hiệu quả là khâu đột phá; bảo đảm đồng bộ, liên thông trong quy hoạch, đầu tư, phát triển hạ tầng, dữ liệu và phân bổ nguồn lực; xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, địa phương, hài hòa lợi ích giữa địa phương, vùng và quốc gia.

NỘI DUNG THỨ BA: MỤC TIÊU VÀ CHỈ TIÊU CỤ THỂ

(1) Về mục tiêu tổng quát

Tái cấu trúc, quản lý và khai thác hiệu quả không gian phát triển vùng đồng bộ với không gian phát triển quốc gia trên cơ sở phát huy tối đa ưu điểm nổi trội, lợi thế cạnh tranh, bản sắc văn hóa của từng vùng và từng địa phương; phát huy vai trò đi đầu, dẫn dắt, lan tỏa của các vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng; bảo đảm

yêu cầu về tự chủ chiến lược, an ninh năng lượng, an ninh lương thực và an ninh nguồn nước; nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh; giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; duy trì môi trường hoà bình, ổn định.

(2) Về một số mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể đến 2030

Nghị quyết đã đề ra mục tiêu và 22 chỉ tiêu cụ thể đến năm 2030 cho từng vùng, phù hợp với tiềm năng, lợi thế so sánh, thực tiễn phát triển và để các vùng đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước. Định hướng mục tiêu cụ thể cho phát triển từng vùng tại Nghị quyết đã căn cứ vào tiềm năng lợi thế của vùng để phát triển các vùng liên kết chặt chẽ, hữu cơ với nhau và thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên mới.

(Đề nghị các đồng chí nghiên cứu cụ thể tại Phụ lục 01 của Nghị quyết)

(3) Về tầm nhìn đến năm 2045

Các vùng phát triển và vận hành theo phương thức của kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế dữ liệu, kinh tế tuần hoàn; có kết cấu hạ tầng đồng bộ, thông minh, xanh, an toàn, có khả năng chống chịu cao, kết nối thông suốt; khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực chính của tăng trưởng và phát triển; liên kết chặt chẽ giữa các địa phương trong vùng và giữa các vùng; xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hoà, phát triển; quản trị xã hội trên nền tảng xã hội số hoàn chỉnh; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh hiện đại, tự chủ, tự cường, vững mạnh; người dân được hưởng thụ các dịch vụ xã hội chất lượng cao, góp phần xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia phát triển, có thu nhập cao, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

NỘI DUNG THỨ TƯ: NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Nghị quyết đã đề ra 10 nhóm nhiệm vụ giải pháp trọng tâm nhằm phát triển vùng và tổ chức lại không gian phát triển quốc gia, gồm có:

(1) Tổ chức không gian phát triển vùng và thực hiện tốt quy hoạch vùng

Tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của vùng theo hướng đa tầng, đa cực, liên kết đồng bộ đất liền, vùng biển, vùng trời, không gian ngầm, không gian số và các không gian phát triển mới. Điều chỉnh quy hoạch vùng đồng bộ với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành gắn với đổi mới mô hình phát triển đất nước. Ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, nội dung của quy hoạch vùng; quan tâm đầu tư cho các cực tăng trưởng.

Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế, kết nối hiệu quả các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia. Bố trí, sắp xếp không gian phát triển vùng trong đó có các tiểu vùng và địa phương phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu của các cực tăng trưởng. Đầu tư phát triển các hành lang kinh tế để tối ưu hóa không

gian phát triển, tạo thành các trục kết nối giao thông và không gian kinh tế xuyên suốt, kết nối các trung tâm kinh tế, đô thị và cảng biển quan trọng. Tiếp tục đầu tư để hình thành các vùng động lực quốc gia với định hướng và cơ cấu kinh tế phù hợp để dẫn dắt phát triển vùng và các địa phương. Chú trọng việc kết nối các hành lang kinh tế trong nước với các hành lang kinh tế của khu vực và quốc tế.

(Định hướng phát triển các hành lang kinh tế tại Phụ lục 2 của Nghị quyết)

(2) Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển vùng

Hoàn thiện cơ chế phối hợp, điều phối và huy động nguồn lực vùng thật sự mạnh, thực chất, hiệu quả là khâu đột phá trong phát triển vùng. Ban hành cơ chế để các cực tăng trưởng, đô thị động lực tham gia điều phối phát triển vùng ở một số lĩnh vực; tạo cơ chế chia sẻ nguồn lực và lợi ích giữa quốc gia, vùng, địa phương theo nguyên tắc cùng phát triển.

Đẩy mạnh liên kết vùng theo không gian phát triển và chuỗi giá trị; lấy các hành lang kinh tế, các cực tăng trưởng, các đô thị động lực làm hạt nhân. Hoàn thiện đồng bộ thể chế nhằm xác lập mô hình tăng trưởng mới, trong đó có các cơ chế, chính sách đột phá, vượt trội để phát triển các mô hình kinh tế mới¹, các vùng động lực, cực tăng trưởng, hành lang kinh tế, khu kinh tế đặc biệt, đặc khu công nghệ, khu thương mại tự do, trung tâm tài chính quốc tế, trung tâm dữ liệu quốc gia.

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của Hội đồng điều phối vùng theo hướng thực chất, hiệu lực, hiệu quả. Thể chế hóa một số chủ trương, nhiệm vụ liên kết vùng quan trọng, lấy quy hoạch làm cơ sở pháp lý và công cụ cho mọi hoạt động liên kết.

(3) Đổi mới mô hình tăng trưởng, hình thành và phát triển các động lực kinh tế mới của vùng

Đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng của vùng theo hướng phát triển kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, lấy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm động lực chủ yếu, trục xuyên suốt trong phát triển vùng. Xác định các động lực tăng trưởng mới cho từng vùng gắn với đẩy mạnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng, chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực.

Phát triển đồng bộ các thị trường liên quan đến sản xuất, kinh doanh, nhất là thị trường khoa học - công nghệ, thị trường vốn và thị trường lao động. Phát triển kết cấu hạ tầng trở thành một ngành kinh tế chiến lược. Các công trình đường sắt, năng lượng, đô thị, cảng biển và hạ tầng số phải thúc đẩy song hành sự phát triển của các ngành công nghiệp nội địa.

¹ như kinh tế số, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn

Khuyến khích phát triển các ngành, lĩnh vực có giá trị gia tăng cao, có khả năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu; hỗ trợ phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; tạo điều kiện phát triển dịch vụ tài chính, logistics, thương mại điện tử, du lịch chất lượng cao; cơ cấu lại nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, sinh thái và bền vững.

Tiếp tục đổi mới tư duy phát triển từ chủ yếu dựa vào nguồn lực sẵn có sang tư duy kiến tạo, dẫn dắt và khơi thông, kích hoạt nguồn lực toàn xã hội. Tập trung đầu tư công vào những công trình nền tảng, thiết yếu, liên vùng, hạ tầng công ích, hạ tầng xã hội thiết yếu, vùng khó khăn; tạo điều kiện để khu vực tư nhân phát triển mạnh mẽ, trở thành một động lực quan trọng nhất của nền kinh tế.

(Định hướng mô hình tăng trưởng, các vùng động lực, ngành, lĩnh vực các vùng tại Phụ lục 02 của Nghị quyết)

(4) Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại, đồng bộ, liên vùng

Tập trung nguồn lực phát triển các hạ tầng chiến lược, hạ tầng số, hạ tầng công nghệ, chuyển đổi xanh, chuyển đổi năng lượng. Tổ chức thống nhất các loại hình hạ tầng theo hành lang kinh tế và không gian phát triển vùng. Phát triển hài hòa giữa hạ tầng kinh tế, hạ tầng xã hội, hạ tầng số, dữ liệu, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, đồng bộ với hạ tầng y tế, văn hoá, giáo dục, thể thao.

Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông hiện đại, đồng bộ, kết nối hiệu quả giữa các ngành, các vùng, giữa địa phương và các trung tâm kinh tế lớn, giữa trong nước và nước ngoài; tăng cường liên thông giữa các phương thức vận tải, giữa giao thông với năng lượng, logistics, đô thị. Ưu tiên đầu tư xây dựng hạ tầng giao thông trục xương sống Bắc - Nam và hành lang Đông - Tây thế hệ mới. Tạo điều kiện thuận lợi để phát triển vận tải đa phương thức, nâng cao năng lực logistics, giảm chi phí vận tải, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Xử lý các điểm nghẽn về hạ tầng đô thị, hạ tầng xã hội; nâng cao năng lực hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu và quản lý nguồn nước. Xây dựng cơ chế khơi thông, kích hoạt các nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển. Tập trung nguồn lực hoàn thành các công trình, dự án hạ tầng trọng điểm liên vùng, lan tỏa; hạ tầng kết nối các khu kinh tế biển, các khu kinh tế cửa khẩu.

(Định hướng đầu tư các công trình, dự án nhằm phát triển các vùng được nêu tại Phụ lục 02 của Nghị quyết)

(5) Phát triển hệ thống đô thị hiện đại và các cực tăng trưởng của vùng

Hoàn thiện quy hoạch hệ thống đô thị theo hướng phát triển các cực tăng trưởng, các hành lang kinh tế - đô thị, các trung tâm kinh tế và các đô thị động lực; phát triển các mô hình đô thị xanh, đô thị thông minh, đô thị nén.

Đầu tư phát triển các cực tăng trưởng, các đô thị lớn để làm tốt vai trò hình thành, dẫn dắt, lan tỏa và phát triển các hành lang đô thị - công nghiệp - dịch vụ. Ưu tiên phát triển hai cực tăng trưởng lớn nhất đất nước là vùng đô thị Hà Nội và vùng đô thị Thành phố Hồ Chí Minh. Phấn đấu đến năm 2045, xây dựng được ít nhất 05 đô thị đạt tầm cỡ quốc tế, giữ vai trò là đầu mối kết nối và phát triển với mạng lưới khu vực và quốc tế

(Định hướng phát triển hệ thống đô thị từng vùng tại Phụ lục 02 của Nghị quyết)

(6) Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Tập trung đột phá để chuyển đổi cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực; đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực then chốt như công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao, công nghệ số, logistics, tài chính, năng lượng, nông nghiệp công nghệ cao... Xây dựng cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài trong và ngoài nước phù hợp với nhu cầu từng vùng.

Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng đối với dịch vụ giáo dục - đào tạo; thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng; xây dựng xã hội học tập, thúc đẩy học tập suốt đời. Hình thành và phát triển các trung tâm đào tạo, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo có khả năng dẫn dắt và lan tỏa tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao trong toàn vùng và trên phạm vi cả nước.

Ưu tiên và khuyến khích đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong tất cả các lĩnh vực theo lộ trình phù hợp. Có cơ chế đặc thù huy động các nguồn lực trong và ngoài nước để đầu tư hệ thống hạ tầng các trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm hiện đại, dùng chung, phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển, làm chủ các công nghệ chiến lược.

Thúc đẩy hình thành và phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, các trung tâm nghiên cứu - phát triển (R&D), các khu công nghệ cao, khu công nghệ số tập trung. Hình thành chuỗi liên kết giữa khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và khu công nghệ số cho từng vùng. Phát triển và khai thác có hiệu quả hạ tầng số, tài nguyên số, không gian số, cơ sở dữ liệu lớn, kinh tế dữ liệu. Phát triển các cụm trung tâm dữ liệu quốc gia gắn với các vùng động lực, cực tăng trưởng; khẩn trương xây dựng và hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu, nền tảng số dùng chung.

(7) Phát triển văn hóa, xã hội và bảo đảm an sinh xã hội toàn diện

Phát triển văn hóa các vùng theo hướng đồng bộ, hiện đại, gắn với hình thành các không gian văn hóa sáng tạo và hưởng thụ văn hóa của Nhân dân; lấy bản sắc văn hóa và các giá trị truyền thống các vùng là nguồn lực phát triển. Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử, bản sắc và vốn sinh thái nhân văn của từng vùng,

từng dân tộc; thúc đẩy liên kết giữa các địa phương để hình thành các trục di sản, văn hóa, du lịch liên vùng, xây dựng các trung tâm hội chợ, triển lãm và không gian văn hóa cấp vùng gắn với mục tiêu phát triển công nghiệp văn hóa trở thành một động lực tăng trưởng mới.

Phát triển hệ thống y tế các vùng toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối, lấy y tế dự phòng là then chốt, y tế cơ sở là nền tảng, y tế chuyên sâu là động lực, hướng tới bao phủ chăm sóc sức khỏe toàn dân và bảo hiểm y tế toàn dân; khuyến khích xã hội hóa và phát triển y tế tư nhân; bảo đảm công bằng trong chăm sóc sức khỏe người dân giữa các vùng.

Phát triển hệ thống an sinh xã hội toàn diện, đa tầng, hiện đại, chủ động, thích ứng, bao trùm, liên vùng, đa dạng loại hình, phân bổ hợp lý, tinh gọn, hiệu quả. Tăng cường năng lực dịch vụ xã hội chuyên nghiệp và chuyển đổi số trong công tác an sinh; nâng cao chất lượng dịch vụ trợ giúp xã hội.

(8) Bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Hoàn thiện thể chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tổng thể quốc gia. Có cơ chế khuyến khích các địa phương tăng cường liên kết vùng trong huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực nhằm bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống dữ liệu môi trường các vùng đồng bộ, hiện đại, thống nhất và chia sẻ; hình thành các trung tâm dữ liệu môi trường và biến đổi khí hậu vùng, kết nối với hệ thống quan trắc, giám sát môi trường quốc gia.

Chú trọng đầu tư phát triển các công trình bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu gắn với điều phối liên vùng; kiểm soát cơ bản tình trạng sụt lún, sạt lở, ngập úng, hạn hán, xâm nhập mặn, bảo đảm an ninh nguồn nước. Tăng cường giải pháp phi công trình, ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý, nâng cao năng lực cộng đồng và hiệu quả phối hợp liên vùng trong phòng, chống thiên tai.

Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, chiến lược của từng vùng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm gắn với bảo vệ nguồn nước. Đẩy mạnh quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, đặc biệt là rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển và rừng ngập mặn, góp phần giảm rủi ro thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái.

Khuyến khích hình thành cơ chế phối hợp giữa các địa phương trong kiểm soát ô nhiễm, quản lý xả thải và khai thác tài nguyên bền vững; bảo vệ, phục hồi và quản lý bền vững tài nguyên các vùng theo hướng tổng hợp, có hệ thống, dựa vào thiên nhiên.

(9) Tăng cường quốc phòng, an ninh; đẩy mạnh hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế

Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm quốc phòng, an ninh; củng cố thế trận quốc phòng, thế trận an ninh vùng, trọng tâm là các vùng chiến lược; xây dựng khu vực phòng thủ tỉnh, thành phố vững chắc, bảo đảm liên kết chặt chẽ trong thế trận phòng thủ quân khu và cả nước. Xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng, các công trình lưỡng dụng, các hải đoàn mạnh vừa làm kinh tế, hỗ trợ ngư dân, vừa bảo đảm quốc phòng, an ninh trên biển, đảo; đường tuần tra, các chốt dân quân thường trực trên tuyến biên giới.

Hoàn thành quy hoạch tổng thể, điều chỉnh hệ thống công trình phòng thủ, nhất là trên tuyến biên giới và vùng biển đảo. Tiếp tục thực hiện phân giới cắm mốc biên giới trên đất liền và tiến hành phân định biên giới trên biển. Đẩy mạnh hợp tác với các quốc gia, tổ chức quốc tế nhằm tăng cường kết nối, phát triển vùng.

Phát huy vai trò các địa phương trong hợp tác với các quốc gia có trình độ phát triển về khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, du lịch; thực hiện hiệu quả các hiệp định song phương và đa phương về phát triển kết cấu hạ tầng.

(10) Xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị:

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện. Hoàn thiện mô hình, tổ chức bộ máy chính quyền các cấp ở địa phương phù hợp với đặc điểm từng vùng; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền theo phương châm địa phương quyết, địa phương làm và địa phương chịu trách nhiệm. Xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ các cấp đủ đức, đủ sức, đủ tài, trong đó chú trọng tiêu chuẩn hóa, trẻ hóa, chuyên môn hóa.

Tổ chức hiệu quả các chương trình kiểm tra, giám sát việc thực thi nghị quyết và chính sách; đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, tiêu cực; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, bảo đảm kỷ luật, kỷ cương trong Đảng và hệ thống chính trị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thúc đẩy việc chia sẻ dữ liệu giữa các địa phương; lấy sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp làm thước đo hiệu quả công tác của các tổ chức đảng và cả hệ thống chính trị. Đổi mới nội dung, phương thức và nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể, nhất là hoạt động giám sát, phản biện xã hội.

NỘI DUNG THỨ NĂM: TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Nghị quyết số 27-NQ/TW đã phân công nhiệm vụ cụ thể tổ chức thực hiện cho: Các ban đảng, đảng ủy trực thuộc Trung ương; các tỉnh ủy, thành ủy; Đảng ủy

Quốc hội; Đảng ủy Chính phủ;; Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương; Ban Tuyên giáo Trung ương; Ban Chính sách, chiến lược Trung ương.

Đồng thời Nghị quyết số 27 -NQ/TW của Bộ Chính trị khóa XIV thay thế các Nghị quyết của Bộ Chính trị khóa XIII² thể hiện tư duy mới, tầm nhìn mới về tổ chức lại không gian phát triển quốc gia và phát triển 06 vùng kinh tế - xã hội nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và hướng tới 02 mục tiêu kép 100 năm của Đất nước trong kỷ nguyên phát triển mới. Đề nghị các đồng chí nghiên cứu, quán triệt sâu sắc; lãnh đạo, chỉ đạo để tổ chức thực hiện thành công.

Thưa các đồng chí !

Trên đây là những nội dung chủ yếu của Nghị quyết số 27- NQ/TW ngày 28/8/2026 của Bộ Chính trị khóa XIV về phát triển các vùng và tổ chức không gian phát triển quốc gia trong giai đoạn mới.

Kính chúc đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đồng chí sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Xin trân trọng cảm ơn!

² 06 Nghị quyết gồm có: Nghị quyết số 11-NQ/TW, 13-NQ/TW, 23-NQ/TW, 24-NQ/TW, 26-NQ/TW, 30-NQ/TW